

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Du lịch; Chuyên ngành: Du lịch

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Huỳnh Văn Đà

2. Ngày tháng năm sinh: 30/10/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 122, Đường số 3, Khu nhà ở cán bộ giáo viên Trường Đại học Cần Thơ, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại di động: 0919233876; E-mail: hvda@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Công việc, chức vụ, cơ quan
2004-2005	Tập sự giảng dạy, Bộ môn Địa lý & Du lịch-Khoa Sư Phạm
2006-12/2007	Giảng viên, Bộ môn Địa lý & Du lịch-Khoa Sư Phạm
2008-8/2009	Học thạc sỹ tại Australia theo chương trình học bổng AUSAID
9/2009-9/2012	Giảng viên, tổ trưởng chuyên môn, phó trưởng bộ môn, Bộ môn Lịch sử-Địa lý và Du lịch, Khoa KHXH&NV

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

10/2012-12/2014	Giảng viên, Quyền Trưởng Bộ môn, Bí thư chi bộ, Bộ môn Lịch sử-Địa lý và Du lịch, Khoa KHXH&NV
12/2014-12/2018	Học tiến sĩ tại Australia theo chương trình học bổng 911
2019-2022	Giảng viên, Bộ môn Lịch sử-Địa lý và Du lịch, Bí thư chi bộ, Đảng ủy viên, Khoa KHXH&NV
2023-Nay	Phó bí thư Đảng ủy, Phó trưởng Khoa, Khoa KHXH&NV

Chức vụ: Hiện nay: Phó bí thư Đảng ủy, Phó trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó bí thư Đảng ủy, Phó trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 0292 3832663

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 2004; số văn bằng: B570485; ngành: Sư phạm Địa lý; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 7 năm 2009; số văn bằng: 0015240-6220-709; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành quốc tế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Queensland, Australia

- Được cấp bằng TS ngày 17 tháng 12 năm 2019; số văn bằng: 100159161; ngành: Khoa học xã hội; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Western Sydney, Australia

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hoá - Nghệ thuật - Thể dục Thể thao

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- (1) Các vấn đề đương đại của ngành du lịch hướng đến phát triển bền vững khu vực Đồng bằng sông Cửu Long
- (2) Các điều kiện phục vụ phát triển du lịch văn hóa và du lịch sinh thái khu vực Đồng bằng sông Cửu Long
- (3) Các khía cạnh liên quan đến các vấn đề kinh tế-văn hóa-xã hội-môi trường phục vụ phát triển kinh tế và du lịch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS (Đang hướng dẫn 03 NCS);
- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (Hồ sơ sẽ minh chứng 4 HVCH);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp cơ sở; 01 đề tài cấp Bộ (NAFOSTED), đây là 2 nhiệm vụ tiêu biểu được minh chứng trong hồ sơ; Ngoài ra, đã và đang thực hiện:
 - + Chủ trì: 1 đề tài cấp Bộ (Đang thực hiện), 1 dự án cấp tỉnh (Đã hoàn thành), 1 đề tài cấp cơ sở (Đang thực hiện), 2 đề tài hợp tác quốc tế (Đã hoàn thành).
 - + Tham gia: 1 đề tài cấp tỉnh (Thư ký-Đã hoàn thành), 5 đề tài cấp cơ sở (Đã hoàn thành), 4 đề tài hợp tác quốc tế (Đã hoàn thành).
- Đã công bố 65 bài báo khoa học, trong đó 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 04 quyển sách và 01 chương sách, trong đó 04 quyển sách và 01 chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng: Chứng nhận đã hướng dẫn sinh viên có đề tài đạt giải nhì Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Lối sống: Giản dị, hòa đồng, quan tâm và giúp đỡ, chia sẻ với đồng nghiệp, sinh viên và cộng đồng nơi cư trú.
- Đạo đức và tác phong: Đạo đức tốt, tác phong nghiêm túc, làm việc trách nhiệm và tận tâm với công việc được giao phó.
- Tinh thần khoa học: Luôn cầu tiến, nghiên cứu khoa học nghiêm túc và đam mê, luôn mong muốn học hỏi và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, trung thực trong nghiên cứu khoa học.
- Khả năng chuyên môn: Thích tìm tòi, trau dồi, nâng cao năng lực chuyên môn, hoàn thành đúng nghĩa vụ với vai trò và vị trí của người giảng viên tại đơn vị.
- Lương tâm nhà giáo: Minh bạch, trung thực, tận tâm với sinh viên và đồng nghiệp trong vai trò là giảng viên.
- Khả năng giảng dạy: Có khả năng diễn đạt, truyền đạt, khả năng học hỏi và ứng dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010-2011				15	160		160/681,1/280
2	2011-2012				16	195		195/620,4/280
3	2012-2013				15	235		235/858,1/280
4	2019-2020				12	195		195/723,9/270
5	2020-2021				15	270		270/945/250
03 năm học cuối								
6	2021-2022				14	480		480/1.273,98/250
7	2022-/2023			03	17	390		390/1.259,61/250
8	2023-6/2024			03	14	435		435/846,83/250

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Australia năm 2009

- Bảo vệ luận án TS tại nước: Australia năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy: Trường Đại học Western Sydney, Australia (Trợ giảng); Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam (Chương trình chất lượng cao).

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Võ Thế An		X	X		12/2022-8/2023	Trường Đại học Cần Thơ	10/10/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Tô Minh Thắng		X	X		09/2023-05/2024	Trường Đại học Tây Đô	13/6/2024
3	Nguyễn Bích Điều		X	X		10/2023-05/2024	Trường Du lịch-Đại học Huế	19/6/2024
4	Âu Quốc Ninh		X	X		10/2023-05/2024	Trường Du lịch-Đại học Huế	19/6/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Tên chương sách: Tìm hiểu về nghề trồng lúa và đặc điểm cư trú ở vùng nông thôn Đồng bằng Sông Cửu Long	TK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2016	02		22-42	2159/GXN-ĐHCT
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Giáo trình Du lịch sinh thái	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2022	02		Chương 3, 4, 7	2158/GXN-ĐHCT
3	Giáo trình Bản đồ du lịch	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2022	02		Chương 2, 4, 9	2157/GXN-ĐHCT
4	Vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long-Du lịch và biến đổi khí hậu	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2023	03	X	Tất cả các chương	2156/GXN-ĐHCT
5	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu Du lịch	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2022	07	X	Chương 1, 4, 6	2155/GXN-ĐHCT

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
Sau khi được công nhận TS					
1	Đề tài: Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động du lịch ở Vườn quốc gia Mũi Cà Mau	CN	T2020-28, Cấp cơ sở	06/2020 đến 05/2021	Biên bản nghiệm thu ngày 24/6/2021; Xuất sắc
2	Đề tài: Đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến ngành du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Nghiên cứu trường hợp Thành phố Cần Thơ	CN	ĐXTN-2020.07, Cấp Bộ (NAFOSTED)	10/2020 đến 10/2021	Biên bản nghiệm thu ngày 26/01/2022; Biên bản thanh lý ngày 19/4/2023; Đạt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1.	An evaluation on Ha Long Bay Ecomuseum project, Vietnam-A sustainable tourism development initiative	01	X	Vietnam Social Sciences/ISSN: 1013-4328	Peer reviewed journal	5(145), 117-132		5/2011
2.	Nâng cao tính chủ động của sinh viên-giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng trong đào tạo theo học chế tín chỉ	02		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333; e-ISSN: 2815-5599	Peer reviewed journal	Google Scholar Citation: 3 (6/2024)	22b, 71-79	5/2012
3.	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội đình trong cộng đồng người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng	02		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333; e-ISSN: 2815-5599	Peer reviewed journal		29, 69-73	12/2013
4.	Bước đầu nhận diện về loại hình du lịch sông nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long	02		Kỷ yếu hội thảo khoa học: Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa sông nước Đồng bằng	Peer reviewed journal		131-139	11/2017

				sông Cửu Long trong quá trình hội nhập và phát triển/ISBN: 978-604-919-947-9				
5.	Những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng các nguyên tắc của du lịch bền vững tỉnh Kiên Giang	02		Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ X: Khoa học Địa lý Việt Nam với liên kết vùng cho phát triển bền vững/ISBN: 978-604-913-694-8			239-246	4/2018
6.	Đánh giá của du khách đối với du lịch văn hóa Tỉnh Bạc Liêu	03		Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XI năm 2019: Khoa học Địa lý Việt Nam phục vụ phát triển bền vững trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0/ISBN: 978-604-9822-65-0			587-595	4/2019
7.	Climate Change and the Tourism Sector in the Mekong Delta of Vietnam: A Critical Review	01	X	RSU International Research Conference 2019/ISBN: 978-616-421-080-6	Peer reviewed journal		1171-1184	4/2019
8.	Differences in climate change awareness in level of education and between ethnic groups: a case study of two districts in Ca Mau Peninsula	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Văn hóa sông nước ở Đông Nam Á-bảo tồn và phát triển/ISBN: 978-604-965-258-5	Peer reviewed journal		226-237	8/2019
9.	An evaluation on climate change adaptation for tourism sector in the Mekong Delta of Vietnam	02	X	Taylor and Francis: Asia Pacific Journal of Tourism Research/ISSN: 1094-1665 (Print) 1741-6507 (Online)	Scopus Q1, SSCI; 2019: IF=2.017; 2024: IF=4.9, H-index=62	Google Scholar Citation: 24(9), 894-911 (6/2024)		8/2019
10.	Nhận thức nghề nghiệp đối với ngành du lịch của sinh viên ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học Cần Thơ	03		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333; e-ISSN: 2815-5599	Peer reviewed journal		55(5C), 98-106	10/2019
11.	An Evaluation on Climate Change Awareness in Tourism Sector in the Mekong Delta Region of Vietnam	02	X	Asian Social Science/ISSN: 1911-2017 E-ISSN: 1911-2025	Peer reviewed journal	Google Scholar Citation: 15(11), 93-104 (6/2024)		10/2019
12.	Impact of Climate Change to Tourism Sector in the Vietnamese Mekong Delta	03	X	Review of European Studies/ISSN: 1918-7173 E-ISSN: 1918-7181	Peer reviewed journal	Google Scholar Citation: 11(4), 44-59 (6/2024)		11/2019

II		Sau khi được công nhận TS						
13.	Nhận thức và thái độ của cộng đồng ở Huyện Cù Lao Dung (Tỉnh Sóc Trăng) đối với sự phát triển du lịch	03			Phát triển bền vững vùng/ISSN: 2354-0729	Peer reviewed journal	10(1), 107-116	3/2020
14.	Nhận thức của cộng đồng ở huyện Cù Lao Dung (tỉnh Sóc Trăng) đối với tác động từ sự phát triển du lịch và nhu cầu tham gia du lịch	03			Tạp chí khoa học Trường Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh/ISSN: 1859-3100	Peer reviewed journal	17(7), 1295-1307	7/2020
15.	Văn hóa ẩm thực của người dân An Giang đối với sự phát triển du lịch	02			Nghiên cứu văn hóa/ISSN: 0866-7284	Peer reviewed journal	4(190), 60-69	9/2020
16.	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch có trách nhiệm ở Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang	03			Tạp chí khoa học Trường Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh/ISSN: 1859-3100	Peer reviewed journal	17(10), 1791-1803	10/2020
17.	Phát triển du lịch có trách nhiệm ở huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	03			Phát triển bền vững vùng/ISSN: 2354-0729	Peer reviewed journal	10(4), 111-122	12/2020
18.	Thực trạng phát triển du lịch có trách nhiệm ở huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	03			Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn/ISSN: 2354-0648	Peer reviewed journal	1(32), 69-78	3/2021
19.	Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động du lịch ở vườn quốc gia: Trường hợp Vườn quốc gia Mũi Cà Mau	03	X		Phát triển bền vững vùng/ISSN: 2354-0729	Peer reviewed journal	11(2), 99-111	6/2021
20.	Giải pháp thu hút sự tham gia của cộng đồng trong du lịch và cải thiện năng lực phục vụ du khách của cộng đồng - Trường hợp huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	03			Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XII: Khoa học Địa lý Việt Nam với phát triển kinh tế xanh và đảm bảo an ninh lãnh thổ/ISBN: 978-604-334-789-0		1071-1079	7/2021
21.	Tác động của dịch bệnh covid-19 đến các điểm du lịch: Trường hợp Thành phố Cần Thơ	03	X		Phát triển bền vững vùng/ISSN: 2354-0729	Peer reviewed journal	102-109	9/2021
22.	Nhu cầu của du khách về du lịch trải nghiệm tại Huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ	02	X		Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn/ISSN: 2354-0648	Peer reviewed journal	3(34), 73-81	9/2021
23.	Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động lưu trú du lịch tại thành phố Cần Thơ	03	X		Khoa học Xã hội Việt Nam/ISSN: 1013-4328	Peer reviewed journal	11, 56-66	9/2021

24.	The COVID-19 Pandemic and Its Impacts on Tourism Business in a Developing City: Insight from Vietnam	06	X	Economies/ISSN: 22277099	Scopus Q2, ESCI; 2024: IF=2.6, H-index=34	Google Scholar Citation: 9(4), 01-17 (6/2024)	11/2021
25.	Factors Affecting Tourism Destination: A Case Study in Ha Tien City, Vietnam	05	X	European Journal of Humanities and Social Sciences/ISSN: 2736-5522	Peer reviewed journal	1(6), 70-80	12/2021
26.	Double displacement – Interactions between resettlement, environmental change and migration	05		ELSEVIER: Geoforum/ISSN: 00167185	Scopus Q1, SSCI, IF=3.926, H-index=141	Google Scholar Citation: 129, 13-27 (6/2024)	1/2022
27.	Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch trải nghiệm: trường hợp Huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ	02	X	Tạp chí Khoa học Xã hội Tây Nguyên/ISSN: 1859-4042	Peer reviewed journal	1(45), 14-30	3/2022
28.	Destination Responses to COVID-19 Waves: Is “Green Zone” Initiative a Holy Grail for Tourism Recovery	04	X	Sustainability/ISSN: 20711050	Scopus Q1, SSCI, SCIE, IF=3.9, H-index=169	Google Scholar Citation: 14(5), 01-18 (6/2024)	3/2022
29.	Nâng cao khả năng tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương ở 4 xã ven biển của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	02		Phát triển bền vững vùng/ISSN: 2354-0729	Peer reviewed journal	12(1), 124-132	3/2022
30.	Phát triển du lịch sinh thái ở huyện An Biên (tỉnh Kiên Giang) từ quan điểm của nhiều bên liên quan	02		Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn/ISSN: 2354-0648	Peer reviewed journal	1(38), 75-82	3/2022
31.	The Roles of Charity Activities at Kinh Pagodas and Solutions to Improve Their Performance: The Case of Soc Trang Province	05	X	European Journal of Humanities and Social Sciences/ISSN: 2736-5522	Peer reviewed journal	2(3), 128-135	6/2022
32.	Impact of the COVID-19 Epidemic on Travel Activities in a Developing City: The Case of Can Tho City, Vietnam	04	X	International Social Science and Humanities Studies/ISSN: 2768-105X	Peer reviewed journal	2(3), 11-17	7/2022
33.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia phát triển du lịch của người dân địa phương: Trường hợp tỉnh Kiên Giang	03		TNU Journal of Science and Technology Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên/ISSN:	Peer reviewed journal	Google Scholar Citation: 227(12), 45-52 (6/2024)	8/2022

				1859-2171, 2374-9098; e-ISSN 2615-9562				
34.	Giá trị Đình, Chùa người Kinh Tinh Sóc Trăng và khả năng khai thác vào hoạt động du lịch	04	X	Hội thảo khoa học quốc tế TED-2022 Văn hóa, giáo dục và du lịch với phát triển kinh tế/ISBN: 978-604-79-3291-7	Peer reviewed journal		63-69	8/2022
35.	Understanding Tourists' Behavioral Intention and Destination Support in Post-pandemic Recovery: The Case of the Vietnamese Domestic Market	06		Sustainability/ISSN: 20711050	Scopus Q1, SSCI, SCIE, IF=3.9, H-index=169	Google Scholar Citation: 14(16), 01-18 (6/2024)		8/2022
36.	Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch nông thôn ở xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	02		Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn/ISSN: 2354-0648	Peer reviewed journal		3(38), 74-81	9/2022
37.	Tourism Vulnerability Amid the Pandemic Crisis Impacts and Implications for Rebuilding Resilience of a Local Tourism System in Vietnam	04	X	Social Sciences/ISSN: 20760760	Scopus Q2, ESCI, IF=1.7, H-index=42	Google Scholar Citation: 11(10), 01-13 (6/2024)		9/2022
38.	Floating market History, Status and Changes: Insights from Vietnam	02	X	Cognizant Communication Corporation: Tourism, Culture & Communication/ISSN: 1098-304X (Print); ISSN 1943-4146 (Online)	Scopus Q1, ESCI, IF=0.67, H-index=20		01-43	9/2022
39.	Impacts of Covid-19 Pandemic on food service businesses in tourism: A case study in Can Tho city, Vietnam	07	X	Journal of Social Sciences (COES&RJ-JSS)/ISSN (E): 2305-9249 ISSN (P): 2305-9494 ISNI: 0000 0005 0179 6351	Peer reviewed journal		11(4), 122-134	10/2022
40.	Đánh giá của du khách đối với du lịch nông thôn ở xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	03		Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIII: Khoa học Địa lý Việt Nam với sử dụng hợp lý, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn/ISBN: 978-604-357-112-7			673-681	11/2022

41.	Định hướng khai thác du lịch sinh thái ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	03		Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIII: Khoa học Địa lý Việt Nam với sử dụng hợp lý, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn ISBN: 978-604-357-113-4		552-561	11/2022
42.	Factors Affecting the Sustainable Tourism Development of the Destination: The Case of the Binh Dai District, Ben Tre Province	03	X	International Social Science and Humanities Studies/ISSN: 2768-105X	Peer reviewed journal	2(4), 01-12	11/2022
43.	Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa: Trường hợp ở làng cổ Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ	02	X	Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIII: Khoa học Địa lý Việt Nam với sử dụng hợp lý, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn/ISBN: 978-604-357-112-7		738-745	11/2022
44.	Nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ	03		Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIII: Khoa học Địa lý Việt Nam với sử dụng hợp lý, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn/ISBN: 978-604-357-112-7		746-755	11/2022
45.	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch nông thôn tỉnh Hậu Giang	03		Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIII: Khoa học Địa lý Việt Nam với sử dụng hợp lý, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn/ISBN: 978-604-357-113-4		611-620	11/2022
46.	Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch tâm linh tại Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	02	X	Tạp chí khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh/ISSN: 1859-0136	Peer reviewed journal	1(293), 48-59	01/2023
47.	Aligning the Global Delta Risk Index with SDG and SFDRR global frameworks to assess risk to socio ecological systems in river deltas	14		Springer: Sustainability Science/ISSN: 18624065, 18624057	Scopus Q1, SCIE, IF=7.196, H-index=87	Google Scholar Citation: 01-213 (6/2024)	3/2023

48.	Impacts of the urban embankment in the strong tidal condition on socioeconomic development: A case study of Bung Xang Canal, Can Tho City	05		Global Journal of Arts Humanity and Social Sciences/ISSN: 2583-2034		3(3), 368-375	3/2023
49.	Assessment of the socio-economic effectiveness of irrigation projects: The case study of Ba Rai River in Cai Lay District, Tien Giang Province	04		Global Journal of Arts Humanity and Social Sciences/ISSN: 2583-2034		3(4), 398-405	4/2023
50.	Vulnerability and resilience of the tourism system during the pandemic outbreaks	04	X	Wiley-Blackwell Publishing Ltd: International Social Science Journal/ISSN: 00208701, 14682451	Scopus Q2, IF=0.363, H-index=50	01-15	4/2023
51.	Exploring the Role of Religious Places in Sharing and Producing Knowledge in Rural Communities: A Case Study of the Kinh People in Soc Trang, Vietnam	06	X	Common Ground Research Networks: The International Journal of Religion and Spirituality in Society/ISSN: 21548633, 21548641	Scopus Q2	13(2), 83-103	4/2023
52.	Digitalization of information provided by destination marketing organizations in developing regions: The case of Vietnamese Mekong Delta	03	X	Emerald Insight: European Journal of Innovation Management/ISSN : 1460-1060, eISSN: 1758-7115	Scopus Q1, SSCI, IF=6.88, H-index=80	1-27	6/2023
53.	Những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương ở các xã ven biển huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	02		Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn/ISSN: 1859-3208	Peer reviewed journal	86(1), 32-45	7/2023
54.	Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Ngành Việt Nam học, Trường Đại học Cần Thơ	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học Xã hội và Nhân văn lần thứ I/ISBN: 978-604-965-701-6		199-208	12/2023
55.	Địa danh Miệt thứ dưới góc nhìn Địa lý học	02	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học Xã hội và Nhân văn lần thứ I/ISBN: 978-604-965-701-6		209-216	12/2023

56.	Phát triển sản phẩm du lịch ở huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học Xã hội và Nhân văn lần thứ I/ISBN: 978-604-965-701-6			217-225	12/2023
57.	Du lịch và biến đổi khí hậu ở các vườn quốc gia: Trường hợp Vườn quốc gia Tràm Chim	02	X	Phát triển bền vững vùng/ISSN: 2354-0729	Peer reviewed journal		13(4), 121-136	12/2023
58.	Sustainable tourism development and potential implications for the tourism sector in the Vietnamese Mekong Delta in the context of climate change	04	X	VMOST Journal of Social Sciences and Humanities/P-ISSN: 2734-9748, E-ISSN: 2815-6471	Peer reviewed journal		65(3), 109-119	12/2023
59.	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch ở các Vườn quốc gia vùng Đồng bằng sông Cửu Long	03		Kinh tế và Dự báo/ISSN: 1859-4972	Peer reviewed journal		68-71	4/2024
60.	Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản phẩm du lịch ở huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	04		TNU Journal of Science and Technology Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên/ISSN: 1859-2171, 2374-9098; e-ISSN 2615-9562	Peer reviewed journal		229(08): 147 - 156	4/2024
61.	Tourism development in national parks in the context of climate change: The case of U Minh Thuong national park, Kien Giang province	06	X	VMOST Journal of Social Sciences and Humanities/P-ISSN: 2734-9748, E-ISSN: 2815-6471	Peer reviewed journal		66(1). 86-95	4/2024
62.	River culture-a foundation for sustainable development of river tourism in the Mekong Delta	05		International scientific conference: Enhancing Cooperation to Promote Sustainable Tourism in Response to Climate Change, the Fourth Industrial Revolution, and Artificial Intelligence/ISBN:			201-209	5/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				ISBN: 978-604-965-871-6				
63.	Exploring the Impact of Tourism Environment on Tourist Satisfaction in Tourist Sites: An Example of Phong Dien Tourism Village, Vietnam	02	X	The University of California Press: Case Studies in the Environment/E-ISSN: 2473-9510	Scopus Q3, ESCI, H-index=9		8(1), 1-12	6/2024
64.	Examining interpretation services and pro-nature conservation behaviors in guided ecotours: Do tour guides and tourists share the same lens?	04	X	Taylor and Francis: Journal of Ecotourism ISSN: 14724049, 17477638	Scopus Q2, H-index=48		23(2), 1-22	6/2024
65.	Empowering employees' environmental citizenship behaviour: Insight from small and medium-sized enterprises in climate threatened tourism destinations	05	X	SAGE: Journal Environment and Development/ISSN: 10704965, 15525465	Scopus Q1, SSCI, H-index=52		1-25	6/2024

- Trong đó: 10 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 24, 28, 37, 38, 50, 51, 52, 63, 64, 65.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Điều chỉnh chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học (Chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch)	Tham gia	Quyết định số 4788/QĐ-ĐHCT, Ngày 19/11/2021	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT, Ngày 24/8/2022	
2	Thẩm định chương trình đào tạo Ths ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tham gia	Quyết định số 353/QĐ-ĐHTĐ, Ngày 02/6/2021	Trường Đại học Tây Đô	Quyết định số 665/QĐ-ĐHTĐ, Ngày 09/12/2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: Hướng dẫn chính 6 HVCH

c) Nghiên cứu khoa học: Không thiếu

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo: Đủ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Huỳnh Văn Đà

